

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BẮC TỪ LIÊM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **06** /2018/HS-ST

Ngày 29-01-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN BẮC TỪ LIÊM, TP. HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Thế Vinh;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hồ Thị Việt Hoà và bà Nguyễn Thị Thuần.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thùy Vân - Thư ký Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 02/2018/TLST-HS ngày 08 tháng 01 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2018/QDDXXST-HS ngày 15 tháng 01 năm 2018 đối với bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Công T, sinh năm 1989;

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Xã T, huyện T, tỉnh Bắc Ninh; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ văn hóa: 09/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Nguyễn Công M (đã chết) và con bà: Nguyễn Thị L, sinh năm 1960; Gia đình có 05 anh chị em, bị cáo là con thứ 4; Vợ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1994. Bị cáo có hai con (lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2015);

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/10/2017. Hiện đang tạm giam tại Trại giam số 1 Công an thành phố Hà Nội; có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Cháu Phạm Thị A, sinh ngày 25/7/2003; Nơi cư trú: phường X, quận BTL, thành phố Hà Nội; có mặt.

- *Người đại diện hợp pháp của bị hại:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1969; Nơi cư trú: Phường X, quận BTL, thành phố Hà Nội – là mẹ đẻ cháu Phạm Thị M; có mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại:* Luật sư Lê Thị Thắm – Cộng tác viên Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố Hà Nội; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 5/2017, T nhận được công trình làm thạch cao tại phường X, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội nên đến thuê nhà trọ của gia đình cháu M (sinh ngày 25/7/2003) ở phường X và quen biết cháu M. Vào buổi trưa hai ngày sau khi T đến nhà cháu M ở trọ, do trên phòng trọ tầng 2 nắng nóng, T xuống hiên nhà tầng 1 ngồi nói chuyện cùng bố của cháu M thì cháu M cũng ra ngồi cùng, mượn điện thoại của T ra chơi điện tử. T và M ngồi cạnh nhau và T đặt tay lên đùi M. M nói nhỏ với T “Buông ra”. Một lúc sau bố của M đứng dậy đi vào trong nhà, T liền ôm hôn M. M nói “có máy quay” (cổng nhà lắp camera) thì T buông M, đi ra phía ngách xuống khu trọ cách chỗ M khoảng 10m gọi “Xuống đây với anh một tý”. M trả lời “3h em phải đi học” rồi đi vào trong nhà.

Nguyễn Công T khai sau sự việc trên, cứ có cơ hội là T và M gặp nhau và ôm hôn nhau. Khoảng 10 ngày sau khi đến ở trọ, vào khoảng 17h, T đang ở phòng trọ tầng 2 của khu trọ cùng 3 người nữa là M, L và H là người cùng làm với T (không xác định nhân thân lai lịch) thì cháu Tr (Con của chị gái M) lên phòng trọ của T chơi. M tìm cháu bé và lên phòng trọ của T tìm. T liền đi ra ngoài cửa phòng trọ gặp M. Tại chiếu nghỉ cầu thang lên phòng trọ, M và T đứng ôm hôn nhau. Một lúc thì T và M tiếp tục đi xuống tầng 1. T mở cửa nhà tắm ở bên cạnh cầu thang, M đi vào trước, T vào sau đóng cửa nhà tắm lại. T và M đứng ôm hôn nhau. T dùng tay sờ ngực và âm đạo của M rồi đặt M nằm xuống nền nhà tắm, dùng tay kéo váy của M lên phía trên, cởi quần áo lót của M, tự cởi quần của T rồi giao cấu với M. M và T quan hệ tình dục được vài phút thì nghe thấy tiếng gọi của bố M, T và M cùng đứng dậy mặc quần áo. T đi ra trước và lên phòng trọ. Đến tối cùng ngày, M và T nói chuyện với nhau qua mạng, M có hỏi T “*Anh có biết Bảo Bảo là gì không*” thì T trả lời không biết. Khoảng 5-6 ngày sau, T chuyển về Bắc Ninh, M nhắn tin qua mạng

facebook cho T với nội dung “Anh đừng ra nhà em nữa, anh trai em đánh anh đấy” rồi chặn facebook của T, từ đó T không gặp và liên lạc với M nữa.

Ngày 22/10/2017, Nguyễn Công T được thông báo sự việc đã đến Công an quận Bắc Từ Liêm đầu thú.

Lời khai của cháu M ngày 02/10/2017 trình bày: Sau khi T đến thuê trọ khoảng 10 ngày, lúc đó khoảng 13h, T đi đâu về gọi cổng. M ra mở cổng cho T rồi khóa cổng lại định đi vào trong nhà thì T hỏi “Hôm nay không đi học à”. M trả lời “Không” thì T túm tay M kéo vào nhà vệ sinh tầng 1 vật M nằm xuống nền nhà. T dùng tay vén áo của M lên sờ vào ngực M rồi cởi quần của M. Sau đó T hôn M và tự cởi quần của M ra. M vùng vẫy nhưng không được. Lúc đó vì cổ họng bị đau nên M không hét và không kêu cứu được. T nằm đè lên người M rồi đưa dương vật vào âm đạo của M được khoảng 10 phút thì nghe thấy tiếng của bố M gọi, T buông M ra nói “Nếu mà nói chuyện này ra thì sẽ giết chết cả nhà”. Sau đó T đi lên tầng hai.

Sau đó tại lời khai ngày 23/10/2017, M lại khai: Khoảng 13h chiều sau khi T đến trọ khoảng 10 ngày, M tìm gọi cháu Tr là con của chị gái M, biết cháu Tr đang ở trên phòng trọ của T, M đã lên tầng hai khu trọ thì thấy T đang ngồi ở bậc cầu thang tầng hai. Thấy M, T kéo M ngồi xuống cạnh T và ôm hôn M. M cấu vào tay T và nói “Ai cho anh hôn” T trả lời “Anh thích thì anh hôn”. M đi xuống, T xuống theo tiếp tục ôm hôn M ở chiếu nghỉ cầu thang và thò tay vào quần M đồng thời hỏi “Em có yêu anh không”, M nói không và đẩy T đi xuống nhà. Đến khoảng 16h cùng ngày, bố của M ngủ dậy bảo M lên gọi cháu Tr xuống. M lại đi lên tầng hai khu trọ gặp T vẫn ngồi ở bậc cầu thang. M ngồi xuống cạnh T, T lại hỏi “có yêu anh không”, M nói “anh có vợ rồi còn gì”. T bảo “chưa có vợ” thì M nói “anh nói dối” và cầm tay T lên xem thì thấy T không đeo nhẫn. T và M nói chuyện rồi T bảo M đi xuống. M và T cùng đi xuống tầng 1, T mở cửa nhà vệ sinh tầng 1 và bảo M “vào đi” thì M vào trước, T vào sau. T đóng cửa nhà vệ sinh rồi lại ôm hôn M. T bảo M nằm xuống rồi T nằm đè lên người M. T vừa hôn M vừa vén váy của M lên cổ, đồng thời cởi quần lót của M ra. M hỏi “Anh làm cái gì thế” T nói “Anh làm cái này thì em cũng biết rồi”. M bảo “Buông ra để em đi về” thì T bảo “Cứ nằm im đấy”. Rồi T đứng lên cởi quần sau đó đưa dương vật vào âm đạo của M nhưng chưa vào được thì T lại nằm đè lên người M, hôn M và bảo “từ từ anh cho

vào đã”. M cứ để mặc T hôn và làm gì trên người M thì M không biết. Một lúc sau thì bố M gọi 4 câu nhưng M không thưa. T và M đứng lên mặc quần thì T bảo M “Em cứ đứng đây anh ra trước rồi em ra sau”. Sau đó T đi lên phòng trọ của T, còn M chạy nhanh vào trong nhà. Đến tối hôm đó thì M gặp T và nói với T “nếu em có bảo bảo thì sao” (nghĩa là có em bé) nhưng T không nói gì. Hôm sau T dặn M không được nói chuyện của T và M cho ai. Sau đó T chuyển đi chỗ khác, đến tháng 10/2017 bố mẹ M phát hiện M có thai đã đưa M đến bệnh viện khám và trình báo cơ quan công an.

Tại phiếu siêu âm ngày 02/10/2017 của bệnh viện Nam Thăng Long thể hiện cháu Phạm Thị M có thai 19 tuần 4 ngày.

Ngày 06/10/2017, gia đình cháu M đưa cháu đến bệnh viện phụ sản Hà Nội để phá thai. Đại diện gia đình cháu M cùng cơ quan cảnh sát điều tra công an quận Bắc Từ Liêm và bệnh viện phụ sản Hà Nội đã lập biên bản về việc thu mẫu vật của thai nhi để giám định ADN.

Ngày 23/10/2017, cơ quan cảnh sát điều tra công an quận Bắc Từ Liêm đã ra quyết định trưng cầu giám định ADN số 436/ĐTHS.

Tại bản kết luận giám định pháp y về AND số 135/17/TC-AND ngày 25/10/2017 của Viện pháp y quốc gia kết luận:

Nguyễn Công T có huyết thống cha-con với thai nhi có mẫu mô gửi giám định, độ tin cậy 99,999999%.

Phạm Thị M có huyết thống mẹ - con với thai nhi có mẫu mô gửi giám định, độ tin cậy 99,999999%.

Ngoài lời khai của Nguyễn Công T và lời khai của cháu M như trên, không có chứng cứ nào khác thể hiện Nguyễn Công T ép buộc hoặc dùng vũ lực để ép buộc cháu M phải quan hệ tình dục với T. Mặt khác, lời khai của cháu M không thống nhất, mâu thuẫn với lời khai của T. Ngày 15/12/2017, cơ quan điều tra đã tiến hành cho T đối chất với cháu M nhưng cả T và cháu M đều giữ nguyên lời khai. Do vậy, chỉ có căn cứ kết luận Nguyễn Công T “giao cấu với trẻ em”

Tại Cơ quan điều Nguyễn Công T khai nhận hành vi của mình như đã nêu trên.

Về trách nhiệm dân sự: Cháu Phạm Thị M và mẹ cháu là chị Nguyễn Thị T yêu cầu Nguyễn Công T phải bồi thường tiền thuốc, viện phí, phục hồi sức khỏe và tổn thất tinh thần tổng cộng là 100.000.000 đồng (Trong đó tiền thuốc, viện phí có hóa đơn là

5.599.000 đồng). Nguyễn Công T đã tác động gia đình bồi thường cho cháu M số tiền 37.000.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 02/CT-VKS ngày 08/11/2017 Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội đã truy tố Nguyễn Công T về tội *Giao cấu với trẻ em*, theo điểm d khoản 2 Điều 115 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố và xin được giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại là cháu M khẳng định cháu và T quan hệ tình dục là hoàn toàn tự nguyện. T không ép buộc hay đe dọa gì. T và M chỉ quan hệ tình dục duy nhất một lần tại nhà vệ sinh tầng 1 như T khai và hậu quả là cháu M có thai. Bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho Nguyễn Công T.

Bà nguyên Thị T xác nhận cháu Phạm Thị M khai tự nguyện và đúng sự thật. Việc T quan hệ tình dục với cháu M là được sự đồng ý tự nguyện của bị hại. Chị T xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Nguyễn Thị T xác nhận gia đình bị cáo T đã bồi thường cho cháu M số tiền là 37.000.000 đồng. Nay chị yêu cầu bị cáo T có trách nhiệm bồi thường tiếp số tiền 63.000.000 đồng như T đã cam kết trong giai đoạn điều tra.

Bị cáo Nguyễn Công T và đại diện gia đình bị cáo T chấp nhận tiếp tục thực hiện việc bồi thường số tiền 63.000.000 đồng như yêu cầu của chị T.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo theo nội dung bản cáo trạng, sau khi phân tích các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điểm d khoản 2 Điều 115 của Bộ luật hình sự năm 1999; Điểm b, s khoản 1,2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Công T mức án từ 36 đến 42 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho người bị hại số tiền 63.000.000 đồng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại: Đề nghị Hội đồng xét xử bảo vệ cháu Phạm Thị M với tư cách là trẻ em và là người bị hại trong vụ án theo quy định của Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em và các quy định khác quy định trong Luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo T có trách nhiệm

tiếp tục bồi thường số tiền 63.000.000 đồng cho cháu M như bị cáo đã cam kết tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan điều tra Công an quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội; Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo khai báo thành khẩn, rõ ràng, phù hợp với quy định của pháp luật; bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Những căn cứ xác định tội danh: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của bị hại Phạm Thị M; phù hợp với kết luận giám định ADN và phù hợp với các chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận: Khoảng tháng 5/2017, Nguyễn Công T đến ở trọ nhà cháu Phạm Thị M, sinh ngày 25/7/2003 ở phường X, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Thời gian này T đã một lần thực hiện hành vi giao cấu với cháu M tại nhà vệ sinh tầng một nhà chị Nguyễn Thị T. Nguyễn Công T thực hiện hành vi giao cấu với cháu phạm Thị M khi cháu M chưa đủ 14 tuổi gây hậu quả làm cháu M có thai.

Hành vi giao cấu với cháu Phạm Thị M khi cháu M chưa đủ 14 tuổi của bị cáo như trên đã cấu thành tội “Giao cấu với trẻ em”. Hậu quả của hành vi giao cấu này là làm cháu M mang thai, nên bị cáo T phải chịu tình tiết tăng nặng định khung quy định tại Điểm d khoản 2 Điều 115 của Bộ luật hình sự năm 1999. Vì vậy, bản cáo trạng số: 02/CT-VKS ngày 05/01/2018 của Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền được bảo vệ về nhân phẩm, danh dự của trẻ em, xâm phạm đến sức khỏe và sự phát triển bình thường về thể chất và sinh lý của trẻ em, gây mất trật tự trị an xã hội, gây

tâm lý bất bình trong quần chúng nhân dân. Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý. Mặc dù bị cáo đã trưởng thành, đã có vợ con và bị cáo biết rõ cháu M còn bé đang đi học, đang ở độ tuổi là trẻ em, nhưng vì mong muốn được quan hệ tình dục, bị cáo đã thực hiện hành vi giao cấu với cháu M. Vì vậy, cần phải xét xử bị cáo mức án tương xứng với hành vi phạm tội, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian, nhằm đảm bảo tính giáo dục đối với bị cáo và răn đe, phòng ngừa, đấu tranh phòng chống với các loại tội phạm đặc biệt là các loại tội phạm tình dục liên quan đến trẻ em.

Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét: Tại phiên tòa, bị cáo khai báo thành khẩn, bị cáo tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi của mình đối với cháu M, bị cáo xin lỗi bị hại và gia đình bị hại, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại về sức khỏe, tinh thần cho người bị hại với số tiền là 37.000.000 đồng; bị cáo cam kết sẽ có trách nhiệm bồi thường tiếp cho cháu M và thường xuyên quan tâm đến sức khỏe, tâm lý của người bị hại. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo Điểm b, s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự 2015. Bị cáo có nhân thân tốt, đây là lần đầu bị cáo phạm tội và bị cáo đã có hành vi tự thú, mẹ đẻ bị cáo là cựu chiến binh và được tặng thưởng kỷ niệm chương vì có thành tích trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu và công tác trên biên giới phía đông tổ quốc, bà nội bị cáo cũng là người có công với cách mạng, người bị hại và đại diện hợp pháp của người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đây là những tình tiết giảm nhẹ hình phạt thuộc Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cần áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Hội đồng xét xử thấy bị cáo Nguyễn Công T có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51 của bộ luật hình sự năm 2015 (Đã được sửa đổi bổ sung năm 2017), nên quyết định áp dụng Điều 54 của Bộ luật hình sự, cho bị cáo hưởng mức án thấp hơn mức đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là hưởng mức án thấp hơn mức khởi điểm của điều khoản mà bị cáo T bị truy tố. Việc cho bị cáo T hưởng mức hình phạt nhẹ hơn dưới mức của khung hình phạt thể hiện sự nhân đạo của pháp luật mà vẫn đảm bảo yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm.

Về dân sự: Xác nhận bị cáo đã bồi thường cho người bị hại số tiền 37.000.000 đồng. Bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường cho người bị hại số tiền là 63.000.000 đồng như đã thỏa thuận với gia đình người bị hại trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật và phải chịu mức án phí đối với khoản tiền bị cáo và bị hại thỏa thuận trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa và tại Khoản 3 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Công T phạm tội “*Giao cấu với trẻ em*”.

2. Căn cứ vào Điểm d, Khoản 2 Điều 115 của Bộ luật hình sự năm 1999, Điểm b,s Khoản 1,2 Điều 51, Điều 38, Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Công T **33** (Ba mươi ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23/10/2017.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 584 Bộ luật dân sự 2015; Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

Buộc bị cáo Nguyễn Công T phải tiếp tục bồi thường cho cháu Phạm Thị M số tiền là 63.000.0000 đồng.

3. Về án phí và quyền kháng cáo: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Khoản 3 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 23; Khoản 7 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.575.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo, người bị hại;
- VKSND quận Bắc Từ Liêm;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- Công an quận Bắc Từ Liêm;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Bắc Từ Liêm;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thế Vinh

